

**CÔNG TY CỔ PHẦN MHC**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 30/06/2014**

---

Tháng 08, năm 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN MHC**

Tầng 7, tòa nhà Hải An, km 2 đường Đinh Vũ,  
P. Đông Hải 2, Q. Hải An, Thành phố Hải Phòng

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 31



**CÔNG TY CỔ PHẦN MHC**

Tầng 7, tòa nhà Hải An, km 2 đường Đình Vũ,  
P. Đông Hải 2, Q. Hải An, Thành phố Hải Phòng

---

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần MHC (Đổi tên từ “Công ty Cổ phần Hàng Hải Hà Nội”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 30/06/2014.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty cho giai đoạn từ 01/01/ 2013 đến 30/06/2014 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng	Chủ tịch
2. Ông Bùi Đình Quý	Phó chủ tịch (Thôi giữ chức từ 18/03/2014)
3. Ông Hoàng Duy Anh	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc
4. Ông Vũ Thanh Hải	Thành viên
5. Ông Chu Nguyên Bình	Thành viên
6. Ông Nguyễn Quang Phúc	Thành viên
7. Ông Vũ Thành Trung	Thành viên (từ ngày 20/04/2014)
8. Ông Nguyễn Đức Hải	Thành viên (từ ngày 20/04/2014)

**Ban Tổng Giám đốc**

1. Ông Hoàng Duy Anh	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

**Ban Kiểm soát**

1. Ông Nguyễn Trung Dũng	Trưởng ban
2. Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên
3. Bà Phạm Thị Minh Thảo	Thành viên

**Trưởng phòng kế toán**

1. Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Trưởng phòng kế toán
--------------------------	----------------------

**CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ**

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng ngoài vấn đề đã nêu tại Thuyết minh 28 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào khác có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, ngoài sự kiện đã nêu tại Thuyết minh 29 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ Báo cáo yêu cầu phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).



**CÔNG TY CỔ PHẦN MHC**

Tầng 7, tòa nhà Hải An, km 2 đường Đinh Vũ,  
P. Đông Hải 2, Q. Hải An, Thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30/06/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 30/06/2014. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép và trình bày hợp lý, đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo đúng Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định kế toán có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Hoàng Duy Anh**  
**Tổng Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 25 tháng 08 năm 2014





**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần MHC**  
**Cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 30/06/2014**

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần MHC

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty Cổ phần MHC tại ngày 30/06/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 cùng Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 25/08/2014, trình bày từ trang 05 đến trang 31 kèm theo.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 02 đến trang 03, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính, công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định khác có liên quan trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

*Chúng tôi xin lưu ý đến thuyết minh số 10 và 23 trong phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất: Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 của các Công ty liên doanh, liên kết là các Báo cáo tài chính chưa được soát xét.*



**Phạm Gia Đạt**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng nhận ĐKHN Kiểm toán  
số 0798-2013-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2014

**Mai Bình Thanh**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng nhận ĐKHN Kiểm toán  
số 2068-2013-112-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 30/06/2014

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2014 VND</b>	<b>01/01/2014 VND</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>66.391.191.904</b>	<b>76.127.672.891</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>32.674.347.869</b>	<b>41.252.671.766</b>
Tiền	111		15.466.789.734	22.065.981.689
Các khoản tương đương tiền	112		17.207.558.135	19.186.690.077
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>351.463.938</b>	<b>2.051.463.938</b>
Đầu tư ngắn hạn	121		351.463.938	2.051.463.938
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>25.801.758.396</b>	<b>28.387.208.176</b>
Phải thu khách hàng	131		19.175.820.892	24.337.762.334
Trả trước cho người bán	132		894.830.000	1.417.201.200
Các khoản phải thu khác	135	<b>7</b>	9.506.828.526	10.164.503.041
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(3.775.721.022)	(7.532.258.399)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>4.549.000</b>	<b>5.720.400</b>
Hàng tồn kho	141		4.549.000	5.720.400
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.559.072.701</b>	<b>4.430.608.611</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		512.506.263	281.677.157
Thuế GTGT được khấu trừ	152		595.105.048	670.711.766
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		586.007.288	567.409.094
Tài sản ngắn hạn khác	158		5.865.454.102	2.910.810.594
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>172.480.105.920</b>	<b>153.170.028.523</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>36.686.113.146</b>	<b>39.813.916.902</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	<b>8</b>	35.939.619.346	37.126.603.852
- Nguyên giá	222		62.378.341.770	62.051.050.299
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.438.722.424)	(24.924.446.447)
Tài sản cố định vô hình	227	<b>9</b>	746.493.800	746.493.800
- Nguyên giá	228		746.493.800	746.493.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	1.940.819.250
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>10</b>	<b>135.109.576.921</b>	<b>112.069.487.689</b>
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		115.074.026.921	106.069.487.689
Đầu tư dài hạn khác	258		20.035.550.000	6.000.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>684.415.853</b>	<b>1.286.623.932</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>11</b>	522.254.297	549.574.040
Tài sản dài hạn khác	268		162.161.556	737.049.892
<b>Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>238.871.297.824</b>	<b>229.297.701.414</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**  
Tại ngày 30/06/2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>81.637.335.352</b>	<b>106.400.241.098</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>80.258.296.241</b>	<b>105.253.324.431</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	12	14.000.000.000	31.902.058.000
Phải trả người bán	312		19.821.505.986	14.404.410.647
Người mua trả tiền trước	313		5.902.053.325	6.258.880.530
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	1.503.818.378	1.039.453.892
Phải trả người lao động	315		1.938.658.173	2.167.163.484
Chi phí phải trả	316	14	6.564.098.850	16.063.704.615
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	29.495.248.753	33.119.925.242
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.032.912.776	297.728.021
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.379.039.111</b>	<b>1.146.916.667</b>
Phải trả dài hạn khác	333		1.163.090.000	1.146.916.667
Doanh thu chưa thực hiện	338		215.949.111	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>144.561.010.071</b>	<b>112.408.890.650</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>144.561.010.071</b>	<b>112.408.890.650</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		135.555.140.000	135.555.140.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		38.598.161.040	33.778.244.252
Vốn khác của chủ sở hữu	413		103.849.474	103.849.474
Cổ phiếu quỹ	414		(1.027.688.821)	(9.316.300.174)
Quỹ đầu tư phát triển	417		2.365.477.900	2.365.477.900
Quỹ dự phòng tài chính	418		6.346.747.810	6.346.747.810
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(37.380.677.332)	(56.424.268.612)
<b>LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>12.672.952.401</b>	<b>10.488.569.666</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>238.871.297.824</b>	<b>229.297.701.414</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		9.934.291.670	6.118.603.641
Ngoại tệ các loại (USD)		4.300,58	1.905,83

Hải Phòng, ngày 25 tháng 08 năm 2014

Người lập biểu

Trưởng phòng kế toán

Tổng Giám đốc





Lê Thị Lan Hương

Nguyễn Thị Lan Anh

Hoàng Duy Anh



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013
			đến 30/06/2014	đến 30/06/2013
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	40.895.826.052	31.799.015.969
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>40.895.826.052</b>	<b>31.799.015.969</b>
Giá vốn hàng bán	11	18	28.488.501.270	25.809.402.901
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>12.407.324.782</b>	<b>5.989.613.068</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	9.707.934.933	822.560.073
Chi phí tài chính	22	20	1.304.442.152	2.079.206.796
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.028.262.601	1.663.445.428
Chi phí bán hàng	24		310.127.526	228.276.347
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10.236.493.681	7.646.145.615
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>10.264.196.356</b>	<b>(3.141.455.617)</b>
Thu nhập khác	31	21	7.218.436.712	2.494.574.738
Chi phí khác	32	22	2.028.165.139	1.053.593.960
Lợi nhuận khác	40		5.190.271.573	1.440.980.778
<b>Lợi nhuận trong Công ty liên kết liên doanh</b>	<b>45</b>	<b>23</b>	<b>7.484.637.401</b>	<b>10.296.342.511</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>22.939.105.330</b>	<b>8.595.867.672</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.302.493.168	190.525.016
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>21.636.612.162</b>	<b>8.405.342.656</b>
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		2.218.640.985	844.057.348
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	62		19.417.971.177	7.561.285.308
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>24</b>	<b>1.432</b>	<b>558</b>

Hải Phòng, ngày 25 tháng 08 năm 2014

Người lập biểu

Trưởng phòng kế toán

Tổng Giám đốc





Lê Thị Lan Hương

Nguyễn Thị Lan Anh

Hoàng Duy Anh



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013
			đến 30/06/2014	đến 30/06/2013
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	1		22.939.105.330	8.595.867.672
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ	2		1.550.847.233	2.384.570.786
Các khoản dự phòng	3		59.150.652	(102.500.000)
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		69.582.496	273.402.892
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5		(15.207.603.097)	(11.945.701.076)
Chi phí lãi vay	6		1.035.612.601	1.663.445.428
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	8		<b>10.446.695.215</b>	<b>869.085.702</b>
Tăng giảm các khoản phải thu	9		508.948.781	32.340.165.440
Tăng giảm hàng tồn kho	10		1.171.400	1.591.700
Tăng giảm các khoản phải trả	11		13.027.204.424	(24.583.622.334)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(203.509.363)	(338.306.703)
Tiền lãi vay đã trả	13		(4.792.137.825)	(379.558.333)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(772.806.997)	(244.738.811)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		959.059.637	973.369.146
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(568.131.541)	(429.186.822)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>18.606.493.731</b>	<b>8.208.798.985</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(363.862.727)	(998.395.658)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		36.571.256	1.989.090.909
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(8.000.320.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6.700.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(20.422.720.000)	(1.600.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		7.244.213.271	1.653.138.271
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.910.683.849	6.582.360.050
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(10.895.434.351)</b>	<b>7.626.193.572</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013
		đến 30/06/2014	đến 30/06/2013
		VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ nhập vốn góp (của các cổ đông thiểu số tại Công ty con)	31	2.306.274.738	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	5.800.000.000	400.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(23.728.124.010)	(4.164.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu (cổ đông thiểu số)	36	(669.372.522)	(669.372.522)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(16.291.221.794)</b>	<b>(4.433.372.522)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50	<b>(8.580.162.414)</b>	<b>11.401.620.035</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	<b>41.252.671.766</b>	<b>18.698.202.762</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.838.517	336.845
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70 5	<b>32.674.347.869</b>	<b>30.100.159.642</b>

Hải Phòng, ngày 25 tháng 08 năm 2014

Người lập biểu

Lê Thị Lan Hương

Trưởng phòng kế toán

Nguyễn Thị Lan Anh

Tổng Giám đốc



Hoàng Duy Anh



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 KHÁI QUÁT CHUNG**

Công ty Cổ phần MHC (Trước đây là Công ty Cổ phần Hàng Hải Hà Nội), tên viết tắt là MARINA HOLDINGS (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 056428 (nay chuyển sang mã số doanh nghiệp là 0100793715) ngày 19/11/1998, thay đổi lần thứ 17 ngày 22/07/2014. .

Công ty Cổ phần MHC có trụ sở mới theo đăng ký kinh doanh lần thứ 17 tại: Tầng 7, tòa nhà Hải An, km 2 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng. Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 135.555.140.000 đồng.

Từ ngày 21/03/2005, cổ phiếu của Công ty Cổ phần MHC được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là MHC.

**1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Khai thuê hải quan;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Khai thác cảng và kinh doanh bãi container;
- Đại lý hàng hải;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Bốc xếp hàng hóa và container;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; lai dắt tàu biển;
- Buôn bán, sản xuất tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Dịch vụ giao nhận kho vận tải hàng hóa;
- Vận tải đường thủy, đường bộ;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng và khu siêu thị.

**1.3 DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON ĐƯỢC HỢP NHẤT VÀO BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Công ty có các Công ty con như sau:

	Công ty	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ sở hữu tại 30/06/2014 (%)	Trụ sở
1	Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức (*)	15.000.000.000	40%	Số 45, Triệu Việt Vương, TP Hà Nội.
2	Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng	15.000.000.000	100%	Tầng 4, Tòa nhà Hải An, đường Đình Vũ, phường Đông Hải, TP Hải Phòng.

(\*) Tại ngày 30/06/2014, Công ty Cổ phần MHC sở hữu 40% vốn điều lệ, tuy nhiên các nhà đầu tư khác thỏa thuận dành cho Công ty Cổ phần MHC hơn 50% quyền biểu quyết và kiểm soát nên có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1.4 CÔNG TY LIÊN KẾT ĐƯỢC PHẢN ẢNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT THEO PHƯƠNG PHÁP VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	<b>Công ty</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu của Công ty Mẹ (%)</b>	<b>Trụ sở</b>
1	Công ty TNHH Hàng Hải Wallem Việt Nam	51,00 %	Tầng 15 tòa nhà IPC, 1489 Nguyễn Văn Linh, Tân Phong, Quận 7, TP Hồ Chí Minh.
2	Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	25,21%	Tầng 1, Tòa nhà Hải An, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, TP Hải Phòng.
3	Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội	45,05%	Toà nhà Ocean Park, Số 01, Đào Duy Anh, TP Hà Nội.

**2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Niên độ kế toán của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 30/06/2014.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này là đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**3.2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất Cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 của Công ty được lập theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính đã được soát xét cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 của Công ty Mẹ và các Công ty con. Các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất Cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 30/06/2014.

**4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian dưới 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**4.3 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**4.4 LẬP DỰ PHÒNG**

Công ty thực hiện trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính và nợ phải thu khó đòi theo thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 về sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

**4.5 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí phát sinh trong năm tài chính có liên quan đến nhiều kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh trong từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ KHẤU HAO**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/QĐ-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

<b>Loại tài sản</b>	<b>Thời gian sử dụng (năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	14-25
Máy móc thiết bị	05-10
Phụ tùng tiện vận tải truyền dẫn	05-12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08

**4.7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh được kế toán và phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận và phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp giá gốc.

**4.8 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**4.9 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hoặc đầu tư tài sản cố định trong quá trình đầu tư được vốn hóa vào giá trị tài sản hoặc công trình khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Các khoản chi phí đi vay khác phát sinh được phản ánh vào kết quả kinh doanh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4.10 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ**

Doanh thu của Công ty là doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán, các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư, Công ty ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

**4.11 THUẾ**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả của năm hiện hành và số thuế hoãn lại (nếu có).

Số thuế của năm hiện hành phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (trong trường hợp Công ty điều chỉnh các khoản thuế hoãn lại hoặc áp dụng chính sách kế toán phản ánh doanh thu và chi phí khác với chính sách thuế của năm hiện hành), không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được áp dụng là 22%.

Thu nhập chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định thu nhập chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4.12 NGOẠI TỆ**

Công ty áp dụng Thông tư 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá. Trong kỳ, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.
- Cuối năm thực hiện đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản.

Khoản lãi do đánh giá chênh lệch tỷ giá số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 30/06/2014 không được dùng để phân phối.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4.13 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

***Ghi nhận ban đầu***

***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4.14 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận theo đơn vị kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác.

Công ty Cổ phần MHC có các bộ phận quản lý theo đơn vị kinh doanh.

**4.15 BÊN LIÊN QUAN**

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty Cổ phần MHC nếu có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra các quyết định đối với các chính sách và hoạt động.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	2.120.423.612	498.734.681
Tiền gửi ngân hàng	13.346.366.122	21.567.247.008
Các khoản tương đương tiền (*)	17.207.558.135	19.186.690.077
	<b>32.674.347.869</b>	<b>41.252.671.766</b>

(\*): Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng thương mại. Trong đó, bao gồm cả khoản đặt cọc của Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Dung Quất cho Công ty Cổ phần MHC số tiền là 5.675.567.375 đồng (Công ty Cổ phần MHC được phép chuyển khoản đặt cọc này sang khoản tiền gửi có kỳ hạn và chỉ được sử dụng khi chuyển nhượng thành công Bến số 2 - Cảng Tổng hợp Dung Quất).

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<b>30/06/2014</b>		<b>01/01/2014</b>	
	<b>Số lượng</b> (Cổ phiếu)	<b>Giá trị</b> (VND)	<b>Số lượng</b> (Cổ phiếu)	<b>Giá trị</b> (VND)
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		351.463.938		351.463.938
+ Tổng Công ty nước giải khát Sài Gòn	5.000	350.000.000	5.000	350.000.000
+ Công ty CP Giao nhận kho vận Ngoại thương (TMS)	2	58.355	2	58.355
+ Công ty Cổ phần Hải Minh (HMH)	99	1.405.583	99	1.405.583
Đầu tư ngắn hạn khác		-		1.700.000.000
		<b>351.463.938</b>		<b>2.051.463.938</b>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Rico Wealth International Ltd	428.080.939	423.560.018
Công ty TNHH Vận chuyển "K" Line Việt Nam	1.785.724.903	447.727.264
Ông Nguyễn Trường Sơn (MLO)	-	2.336.570.300
Phải thu của dịch vụ đại lý giao nhận	1.490.670.583	871.803.452
Công ty TNHH Hàng Hải Hà Nội Phía Nam	1.330.893.473	1.330.893.473
Phải thu khác	4.471.458.628	4.753.948.534
	<b>9.506.828.526</b>	<b>10.164.503.041</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MHC**

Tầng 7, tòa nhà Hải An, km 2 đường Đình Vũ,  
P. Đông Hải 2, Q. Hải An, Thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ 01/01/2014  
đến 30/06/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
<b>01/01/2014</b>	45.885.143.301	16.113.832.998	52.074.000	62.051.050.299
- Mua trong kỳ	-	363.862.727	-	363.862.727
- Thanh lý, nhượng bán	-	(36.571.256)	-	(36.571.256)
<b>30/06/2014</b>	<b>45.885.143.301</b>	<b>16.441.124.469</b>	<b>52.074.000</b>	<b>62.378.341.770</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
<b>01/01/2014</b>	12.113.710.137	12.758.662.310	52.074.000	24.924.446.447
- Khấu hao trong kỳ	1.030.696.191	520.151.042	-	1.550.847.233
- Thanh lý, nhượng bán	-	(36.571.256)	-	(36.571.256)
<b>30/06/2014</b>	<b>13.144.406.328</b>	<b>13.242.242.096</b>	<b>52.074.000</b>	<b>26.438.722.424</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
<b>01/01/2014</b>	33.771.433.164	3.355.170.688	-	37.126.603.852
<b>30/06/2014</b>	<b>32.740.736.973</b>	<b>3.198.882.373</b>	<b>-</b>	<b>35.939.619.346</b>

\* Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay (VND):

\* Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng (VND):

32.700.412.685  
18.247.655.034



**CÔNG TY CỔ PHẦN MHC**

Tầng 7, tòa nhà Hải An, km 2 đường Đinh Vũ,  
P. Đông Hải 2, Q. Hải An, Thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ 01/01/2014  
đến 30/06/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất dự án khu dân cư An Thới - BMT địa chỉ tại phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ với giá trị là 746.493.800 đồng, thời hạn sử dụng lâu dài nên không trích khấu hao cho tài sản cố định vô hình này.

**10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	30/06/2014		01/01/2014	
	<u>Số lượng</u> (Cổ phiếu)	<u>Giá trị</u> (VND)	<u>Số lượng</u> (Cổ phiếu)	<u>Giá trị</u> (VND)
<b>a. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>		<b>115.074.026.921</b>		<b>106.069.487.689</b>
Công ty TNHH Hàng Hải Wallem Việt Nam		3.315.582.911		3.675.878.963
Công ty CP Vận tải và Xếp dỡ Hải An	5.984.840	109.055.710.687	5.907.730	81.428.824.263
Công ty CP Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội		2.702.733.323		15.352.377.648
Công ty TNHH Vận chuyển "K" Line Việt Nam				5.612.406.815
<b>b. Đầu tư dài hạn khác</b>		<b>20.035.550.000</b>		<b>6.000.000.000</b>
Công ty TNHH Vận chuyển "K" Line Việt Nam		3.035.550.000		
Hợp tác kinh doanh góp vốn đầu tư mua tàu Container		10.000.000.000		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải HAS	50.000	500.000.000	50.000	500.000.000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An		2.000.000.000		1.000.000.000
Công ty Cổ phần dược phẩm TW3	450.000	4.500.000.000	450.000	4.500.000.000
		<b>135.109.576.921</b>		<b>112.069.487.689</b>

Trong đó, các Công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Công ty	30/06/2014		
	Tỷ lệ sở hữu vốn	Giá gốc	Hợp nhất theo phương pháp VCSH
	%	VND	VND
Công ty TNHH Hàng Hải Wallem Việt Nam	51,00	1.734.000.000	3.315.582.911
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	25,21	65.132.466.729	109.055.710.687
Công ty CP Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội	45,05	2.703.000.000	2.702.733.323
		<b>69.569.466.729</b>	<b>115.074.026.921</b>

(\*) Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 của các Công ty liên doanh, liên kết là các Báo cáo tài chính chưa được soát xét.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí thuê sân Golf	457.248.400	469.197.400
Phí lưu trữ trang Web, địa chỉ email	-	8.767.083
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	49.729.547
Chi phí trả trước dài hạn khác	65.005.897	21.880.010
	<b>522.254.297</b>	<b>549.574.040</b>

**12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay ngắn hạn	-	61.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (*)	14.000.000.000	31.841.058.000
	<b>14.000.000.000</b>	<b>31.902.058.000</b>

(\*): Thông tin về khoản vay dài hạn đến hạn trả:

Số HD	Bên cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay VND	Số dư nợ gốc 30/06/2014 VND	Số dư nợ gốc phải trả trong năm VND
1401-	NHNo và PT	Lãi suất	27 tháng	21.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000
LAV- 201100525	Nông Thôn - CN Láng Hạ	thả nổi				
				<b>21.000.000.000</b>	<b>14.000.000.000</b>	<b>14.000.000.000</b>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế Giá trị gia tăng	327.831.171	173.406.226
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	548.269.445	305.618.330
Thuế Thu nhập cá nhân	55.197.775	68.743.185
Các loại thuế khác	119.006.044	96.597.013
Các khoản phải nộp Nhà nước khác	453.513.943	395.089.138
	<b>1.503.818.378</b>	<b>1.039.453.892</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	3.096.043.589	13.603.717.332
Chi phí Demurage Mel	995.039.574	734.132.080
Chi phí môi giới	78.379.710	73.664.925
Chi phí lưu container	287.554.346	286.974.389
Chi phí cước vận tải bộ + tàu lai	42.461.333	73.150.333
Chi phí vận chuyển, sửa chữa, kiểm đếm	556.662.380	111.660.247
Chi phí xe nâng, đội xe, tàu lai	-	216.600.000
Chi phí phải trả khác	1.507.957.918	963.805.309
	<b>6.564.098.850</b>	<b>16.063.704.615</b>

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	180.656.541	159.822.021
Bảo hiểm xã hội	102.559.411	41.363.513
Bảo hiểm y tế	38.605.636	24.120.819
Bảo hiểm thất nghiệp	17.158.060	16.998.076
Phải trả của dịch vụ đại lý giao nhận vận tải	2.250.690.815	6.327.223.200
Công ty CP Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội	1.503.000.000	14.116.027.431
Lead Top Ltd	3.781.114.888	2.185.725.122
Mariana Express Lines Ltd	11.072.348.050	6.827.238.480
Công ty TNHH Thương Mại ĐTPT Long Thành	1.710.200.000	300.000.000
Công ty CP Thương mại và XNK Hưng Thịnh	1.519.460.000	240.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.319.455.352	2.881.406.580
	<b>29.495.248.753</b>	<b>33.119.925.242</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**16.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

**Cổ đông**

	30/06/2014	
	Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ vốn góp %
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB	8.268.100.000	6,10%
Các cổ đông khác	127.287.040.000	93,90%
	<b>135.555.140.000</b>	<b>100%</b>

**16.2 CỔ PHIẾU**

	30/06/2014 CP	01/01/2014 CP
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	13.555.634	13.555.634
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	13.555.514	13.555.514
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	13.555.514	13.555.514
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	120	120
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	120	120
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.555.394	13.555.394
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	13.555.394	13.555.394
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

**Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/CP**



**CÔNG TY CỔ PHẦN MHC**

Tầng 7, tòa nhà Hải An, km 2 đường Đình Vũ,  
P. Đông Hải 2, Q. Hải An, Thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ 01/01/2014  
đến 30/06/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**16.3 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2014</b>	<b>135.555.140.000</b>	<b>33.778.244.252</b>	<b>103.849.474</b>	<b>(9.316.300.174)</b>	<b>2.365.477.900</b>	<b>6.346.747.810</b>	<b>(56.424.268.612)</b>	<b>112.408.890.650</b>
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	19.417.971.177	19.417.971.177
- Điều chỉnh do hợp nhất	-	4.819.916.788	-	8.288.611.353	-	-	(374.379.897)	12.734.148.244
<b>30/06/2014</b>	<b>135.555.140.000</b>	<b>38.598.161.040</b>	<b>103.849.474</b>	<b>(1.027.688.821)</b>	<b>2.365.477.900</b>	<b>6.346.747.810</b>	<b>(37.380.677.332)</b>	<b>144.561.010.071</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND</b>
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>40.895.826.052</b>	<b>31.799.015.969</b>
Trong đó:		
+ Doanh thu dịch vụ vận tải	37.954.897.410	15.168.845.738
+ Doanh thu bán hàng hóa	-	13.688.180.009
+ Doanh thu cho thuê văn phòng cầu bến	1.520.574.097	2.102.651.430
+ Doanh thu dịch vụ khác	1.420.354.545	839.338.792

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND</b>
Giá vốn dịch vụ vận tải	24.976.202.414	9.201.838.776
Giá vốn bán hàng hóa	-	13.636.492.826
Giá vốn cho thuê văn phòng cầu bến	2.270.381.351	2.458.579.573
Giá vốn dịch vụ khác	1.241.917.505	512.491.726
	<b>28.488.501.270</b>	<b>25.809.402.901</b>

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	680.210.335	557.998.115
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.835.969.700	124.647.660
Lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán	2.115.786.729	102.605.529
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	75.968.169	37.308.769
	<b>9.707.934.933</b>	<b>822.560.073</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Chi phí lãi vay	1.028.262.601	1.663.445.428
Lỗ do hoạt động chứng khoán	-	56.960.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	199.247.055	100.048.476
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	69.582.496	273.402.892
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	-	(62.500.000)
Chi phí tài chính khác	7.350.000	47.850.000
	<b>1.304.442.152</b>	<b>2.079.206.796</b>

**21. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản	-	1.790.909.091
Thu hồi công nợ phải thu đã xóa sổ	-	336.941.000
Miễn giảm lãi vay các năm trước	6.751.148.519	-
Thu cho thuê lại văn phòng, điện nước	-	366.246.647
Các khoản thu nhập khác	467.288.193	478.000
	<b>7.218.436.712</b>	<b>2.494.574.738</b>

**22. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Chi phí nhượng bán tài sản	-	896.105.980
Chi phí dự án dừng đầu tư	1.940.819.250	-
Chi nộp phạt	-	11.604.295
Chi phí thu hồi công nợ	-	131.032.611
Chi phí khác	87.345.889	14.851.074
	<b>2.028.165.139</b>	<b>1.053.593.960</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**23. LỢI NHUẬN TRONG CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Công ty TNHH Hàng Hải Wallem Việt Nam (*)	(360.296.052)
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (*)	7.877.747.518
Công ty CP Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội (*)	(32.814.065)
	<b>7.484.637.401</b>

(\*) Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 của các Công ty liên doanh, liên kết là các Báo cáo tài chính chưa được soát xét.

**24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19.417.971.177	7.561.285.308
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	19.417.971.177	7.561.285.308
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	13.555.394	13.555.394
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.432</b>	<b>558</b>

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH  
 QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 12, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.13.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	<b>Giá trị ghi số 30/06/2014 VND</b>	<b>Giá trị ghi số 01/01/2014 VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.674.347.869	41.252.671.766
Đầu tư ngắn hạn	351.463.938	2.051.463.938
Phải thu khách hàng và phải thu khác	23.576.034.923	26.970.006.976
Đầu tư dài hạn	5.000.000.000	6.000.000.000
Tài sản tài chính khác	172.161.556	747.049.892
	<b>61.774.008.286</b>	<b>77.021.192.572</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	14.000.000.000	31.902.058.000
Phải trả người bán và phải trả khác	49.316.754.739	47.524.335.889
Chi phí phải trả	3.096.043.589	13.603.717.332
Công nợ tài chính khác	1.163.090.000	1.146.916.667
	<b>67.575.888.328</b>	<b>94.177.027.888</b>

**CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

***Rủi ro về giá***

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**RỦI RO TÍN DỤNG**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán.

***Phải thu khách hàng và phải thu khác***

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, Ban Tổng Giám đốc đã thiết lập chính sách tín dụng, theo đó, mỗi khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Công ty đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Công ty với điều kiện trả tiền trước và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của các nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

***Tiền gửi ngân hàng***

Công ty có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Công nợ tài chính	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
<b>30/06/2014</b>			
Các khoản vay	14.000.000.000	-	14.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	49.316.754.739	-	49.316.754.739
Chi phí phải trả	3.096.043.589	-	3.096.043.589
Công nợ tài chính khác	-	1.163.090.000	1.163.090.000
	<b>66.412.798.328</b>	<b>1.163.090.000</b>	<b>67.575.888.328</b>
<b>01/01/2014</b>			
Các khoản vay	31.902.058.000	-	31.902.058.000
Phải trả người bán và phải trả khác	47.524.335.889	-	47.524.335.889
Chi phí phải trả	13.603.717.332	-	13.603.717.332
Công nợ tài chính khác	-	1.146.916.667	1.146.916.667
	<b>93.030.111.221</b>	<b>1.146.916.667</b>	<b>94.177.027.888</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao nhưng Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính trong tương lai do Công ty đang thực hiện nhận chuyển trả chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang dự án Bến số 2 - Cảng tổng hợp Dung Quất tại Bình Thuận - Bình Sơn - Quảng Ngãi theo hợp đồng kinh tế số 08/2011-HĐKT/MHC-DQS ngày 28/11/2011 với Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Dung Quất với giá trị cả thuế giá trị gia tăng là 56.755.673.750 đồng.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tài sản tài chính	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
<b>30/06/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.674.347.869	-	32.674.347.869
Đầu tư ngắn hạn	351.463.938	-	351.463.938
Phải thu khách hàng và phải thu khác	23.576.034.923	-	23.576.034.923
Đầu tư dài hạn	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Tài sản tài chính khác	10.000.000	162.161.556	172.161.556
<b>Cộng</b>	<b>56.611.846.730</b>	<b>5.162.161.556</b>	<b>61.774.008.286</b>
<b>01/01/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.252.671.766	-	41.252.671.766
Đầu tư ngắn hạn	2.051.463.938	-	2.051.463.938
Phải thu khách hàng và phải thu khác	26.970.006.976	-	26.970.006.976
Đầu tư dài hạn	-	6.000.000.000	6.000.000.000
Tài sản tài chính khác	10.000.000	737.049.892	747.049.892
<b>Cộng</b>	<b>70.284.142.680</b>	<b>6.737.049.892</b>	<b>77.021.192.572</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MHC**

Tầng 7, tòa nhà Hải An, km 2 đường Đình Vũ,  
P. Đông Hải 2, Q. Hải An, Thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**26. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

**Tổng doanh thu từ các giao dịch với bên ngoài**

Doanh thu từ các giao dịch giữa các bộ phận

**Tổng doanh thu theo bộ phận**

*Chi phí theo bộ phận*

Chi phí trực tiếp

**Kết quả hoạt động theo bộ phận**

Khấu hao trong kỳ

Phân bổ trong kỳ

**Khấu hao và phân bổ**

Thu nhập/(Chi phí) khác

Thu nhập/(Chi phí) tài chính

**Lợi nhuận kế toán trước thuế**

Tại ngày 30/06/2014

*Tài sản*

Tài sản ngắn hạn

Tài sản cố định

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Tài sản dài hạn khác

**Tổng tài sản**

*Nợ phải trả*

Nợ ngắn hạn

Nợ dài hạn

**Tổng nợ phải trả**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho giai đoạn từ 01/01/2014  
đến 30/06/2014

	Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội		Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức		Công ty TNHH Vận tải và DV Hàng hải Hải Phòng		Bù trừ/ hợp nhất		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tổng doanh thu từ các giao dịch với bên ngoài</b>	1.520.574.097	27.979.826.665	11.395.425.290	-	-	40.895.826.052				
Doanh thu từ các giao dịch giữa các bộ phận	889.795.045	(889.795.045)	-			-				
<b>Tổng doanh thu theo bộ phận</b>	2.410.369.142	27.979.826.665	11.395.425.290			40.895.826.052				
<i>Chi phí theo bộ phận</i>										
Chi phí trực tiếp	2.988.559.658	24.004.362.055	11.111.783.843			37.214.910.511				
<b>Kết quả hoạt động theo bộ phận</b>	(578.190.516)	3.975.464.610	283.641.447			3.680.915.541				
Khấu hao trong kỳ	1.030.696.191	286.581.762	233.569.280			1.550.847.233				
Phân bổ trong kỳ	85.404.949	79.005.255	104.954.529			269.364.733				
<b>Khấu hao và phân bổ</b>	1.116.101.140	365.587.017	338.523.809			1.820.211.966				
Thu nhập/(Chi phí) khác	4.823.549.996	334.903.395	31.818.182			5.190.271.573				
Thu nhập/(Chi phí) tài chính	7.911.152.404	1.051.546.656	40.793.721			15.888.130.182				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	11.040.410.744	4.996.327.644	17.729.541			22.939.105.330				
<b>Tại ngày 30/06/2014</b>										
<i>Tài sản</i>										
Tài sản ngắn hạn	20.355.178.733	41.877.086.705	20.047.022.477			66.391.191.904				
Tài sản cố định	33.487.230.773	2.575.375.586	623.506.787			36.686.113.146				
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	91.369.146.729	19.235.870.000	-			135.109.576.921				
Tài sản dài hạn khác	482.252.412	202.163.441	-			684.415.853				
<b>Tổng tài sản</b>	145.693.808.647	63.890.495.732	20.670.529.264			238.871.297.824				
<i>Nợ phải trả</i>										
Nợ ngắn hạn	48.184.568.291	42.768.908.398	5.192.915.563			80.258.296.241				
Nợ dài hạn	1.196.679.111	-	182.360.000			1.379.039.111				
<b>Tổng nợ phải trả</b>	49.381.247.402	42.768.908.398	5.375.275.563			81.637.335.352				



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**27. THÔNG TIN VỀ BÊN LIÊN QUAN**

Giao dịch với các bên liên quan

Mối quan hệ	Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013
	đến 30/06/2014	đến 30/06/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	66.538.889	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	66.538.889	-
Công ty liên kết		

Số dư với các bên liên quan

Mối quan hệ	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải trả nhà cung cấp	-	1.392.430.336
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An		1.392.430.336
Công ty liên kết		
Các khoản phải trả khác	1.503.000.000	14.116.027.431
Công ty CP Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội	1.503.000.000	14.116.027.431
Công ty liên kết		

**28. THÔNG TIN KHÁC**

Giao dịch chứng khoán

Ngày 14/01/2014, Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh đã có quyết định số 16/QĐ-SGDHCM về việc tiếp tục duy trì cổ phiếu Công ty Cổ phần MHC (mã chứng khoán: MHC) thuộc diện bị kiểm soát. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20/01/2014 và thay thế Quyết định số 49/2011/QĐ-SGDHCM ngày 22/04/2011 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc đưa cổ phiếu MHC ra khỏi diện tạm ngừng giao dịch chuyển sang diện chứng khoán bị kiểm soát.

Cam kết về việc bán tài sản có giá trị lớn chưa thực hiện

Theo Quyết định số 638/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ngày 09/05/2011 Về việc phê duyệt giá trị còn lại của tài sản đã đầu tư trên đất dự án Bến số 2 - Cảng tổng hợp Dung Quất, tổng diện tích đất bị thu hồi là 95.727 m<sup>2</sup>, tổng giá trị còn lại của tài sản đã đầu tư trên đất là 54.069.279.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi tư tỷ, không trăm sáu mươi chín triệu, hai trăm bảy mươi chín nghìn đồng chẵn./.*).

Công ty đã thực hiện ký hợp đồng kinh tế số 08/2011-HĐKT/MHC-DQS ngày 28/11/2011 với Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Dung Quất về việc chuyển trả chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang của Công ty Cổ phần MHC đối với dự án Bến số 2 - Cảng tổng hợp Dung Quất tại Bình Thuận - Bình Sơn - Quảng Ngãi với giá trị cả thuế VAT là 56.755.673.750 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi sáu tỷ, bảy trăm năm mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng./.*). Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Dung Quất cũng đã đặt cọc cho Công ty Cổ phần MHC 10% giá trị hợp đồng với số tiền 5.675.567.375 đồng. .



**CÔNG TY CỔ PHẦN MHC**

Tầng 7, tòa nhà Hải An, km 2 đường Đinh Vũ,  
P. Đông Hải 2, Q. Hải An, Thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ 01/01/2014  
đến 30/06/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**29. SỰ KIẾN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 16 ngày 07/07/2014, lần thứ 17 ngày 22/07/2014 Công ty đã tiến hành thay đổi tên Công ty và trụ sở chính:

- Đổi tên Công ty từ Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội thành Công ty Cổ phần MHC. Theo đó, từ ngày 22/07/2014 tên gọi và con dấu chính thức của Công ty là “Công ty Cổ phần MHC”.
- Chuyển địa chỉ trụ sở chính Công ty từ: Tầng 7, 45 Triệu Việt Vương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội về địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Hải An, km 2, đường Đinh Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

**30. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 đã được soát xét.

Hải Phòng, ngày 25 tháng 08 năm 2014

**Người lập biểu**

**Trưởng phòng kế toán**

**Tổng Giám đốc**





**Lê Thị Lan Hương**

**Nguyễn Thị Lan Anh**

**Hoàng Duy Anh**